

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 8 - 2018

“Về tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Mạnh Quyết
2. Ông Nguyễn Hữu Khoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Quân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 182/2018/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị Phụng T, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp 1, xã A, huyện B, tỉnh Long An. (có mặt)

Bị đơn: Ông Phan Minh C, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp 1, xã A, huyện B, tỉnh Long An. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 6 năm 2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Mai Thị Phụng T trình bày: Do mai mối bà T và ông C quen biết rồi tiến đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, sau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do ông C sống với người phụ nữ khác như vợ chồng, bà và ông C sống ly thân nhiều năm nay, hai người không còn quan tâm giúp đỡ nhau. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà và ông C không thể sống chung nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung bà và ông C có hai con chung tên là Phan Minh Ch, sinh ngày 01/01/1991 và Phan Thị Kim D, sinh ngày 11/3/1994. Con chung đã trưởng thành không bị hạn chế về thể chất, tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, bà T và ông C có một nhà mái lợp tôn, cột xi măng, diện tích 6 mét x 9 mét cất trên đất của bên gia đình ông C cho và một số đồ dùng

sinh hoạt. Nợ chung thì bà T và ông C còn nợ tiền vay chương trình nước sạch 6.300.000 đồng. Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn là ông Phan Minh C trình bày: Ông C và bà T quen biết do mai mối rồi tiến đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, những năm gần đây phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nên thường bất đồng quan điểm. Bà T bỏ nhà đến sống với con gái ở xã M -huyện T, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, ông C đồng ý ly hôn với bà T. Ông C không sống với người phụ nữ khác như bà T trình bày. Về con chung, ông và bà T có hai con chung đã trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung như bà T trình bày, ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án hòa giải nhưng bà T và ông C không đoàn tụ được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa bà Mai Thị Phụng T với ông Phan Minh C là tranh chấp về ly hôn. Căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn: Theo lời trình bày của bà T, ông C và các tài liệu đã thu thập được xác định bà T và ông C quen biết nhau do mai mối rồi được gia đình hai bên tổ chức cưới vào năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau thời gian chung sống bà T và ông C có hai con chung là Phan Minh Ch, sinh ngày 01/01/1991 và Phan Thị Kim D, sinh ngày 11/3/1994. Trong những năm gần đây thì ông C và bà T thường mâu thuẫn bất đồng do tính tình không hợp, bà T bỏ nhà đến sống với người con gái ở xã Mỹ Bình -huyện Tân Trụ - tỉnh Long An. Bà T và ông C không còn quan tâm giúp đỡ nhau, nay ông bà đều yêu cầu được ly hôn, điều đó cho thấy yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở. Tuy nhiên, theo hướng dẫn tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 của Nghị quyết này, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*”. Vì vậy, trường hợp của bà T và ông C không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà T và ông C có hai con tên là Phan Minh Chung, sinh ngày 01/01/1991 và Phan Thị Kim Dung, sinh ngày 11/3/1994. Nay con chung đã trên 18 tuổi và không bị hạn chế về thể chất, tinh thần nên không cần giải quyết việc nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Theo Bà T và ông C trình bày tài sản chung của ông bà có một nhà mái lợp tôn, cột xi măng, diện tích 6 mét x 9 mét cất trên đất của bên gia đình ông C cho và một số đồ dùng sinh hoạt. Bà T và ông C còn nợ tiền vay chương trình nước sạch 6.300.000 đồng. Bà T và ông C không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Mai Thị Phượng T.

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Mai Thị Phượng T với ông Phan Minh C là vợ chồng.

Về con chung: Không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Mai Thị Phượng T phải chịu 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0003641 ngày 23/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, bà Mai Thị Phượng T không phải nộp thêm.

3. Án này xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 22/8/2018.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THA-DS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Quốc Tiến